

Số: 189/ĐT

V/v: Thông báo tuyển sinh
đào tạo tiến sĩ đợt 2 năm 2021

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2021

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ ĐỢT 2 NĂM 2021**

1. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ CHUẨN

1.1. Chuyên ngành tuyển sinh

1.1.1. Khoa Công nghệ Thông tin, các chuyên ngành: Kỹ thuật phần mềm, Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính.

1.1.2. Khoa Điện tử - Viễn thông, các chuyên ngành: Kỹ thuật điện tử, Kỹ thuật viễn thông.

1.1.3. Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa, chuyên ngành: Cơ kỹ thuật.

1.1.4. Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano, chuyên ngành: Vật liệu và linh kiện nano.

1.2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển

1.3. Điều kiện dự tuyển

- Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

b) Có đủ sức khoẻ để học tập.

c) Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng từ loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành đúng, ngành/chuyên ngành phù hợp hoặc ngành/chuyên ngành gần với ngành/chuyên ngành đăng kí dự tuyển;

d) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

e) Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng kí dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kì yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận. Đối với những người đã có bằng thạc sĩ nhưng hoàn thành luận văn thạc sĩ với khối lượng học tập dưới 10 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ thì phải có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo khoa học.

f) Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó

trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

g) Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

- Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

h) Người dự tuyển phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ theo Bảng tham chiếu ở Phụ lục 1 do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày thi lấy chứng chỉ tính đến ngày đăng kí dự tuyển;

- Bằng cử nhân hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho chương trình đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ phù hợp với ngôn ngữ yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Có bằng đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài phù hợp với ngoại ngữ theo yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

- Trong các trường hợp trên nếu không phải là tiếng Anh, thì người dự tuyển phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh. Hội đồng tuyển sinh thành lập tiểu ban để đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp trong chuyên môn của các thí sinh thuộc đối tượng này.

- Đối với các thí sinh thuộc một trong các đối tượng sau đây được bổ sung văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo trong vòng 24 tháng kể từ ngày được công nhận nghiên cứu sinh:

- + Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 công bố quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

+ Tốt nghiệp các chương trình đào tạo thạc sĩ hoặc cử nhân mà chuẩn đầu ra ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong vòng 2 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

j) Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài thực hiện theo văn bản Quy định về việc xét tuyển người nước ngoài vào học tại ĐHQGHN (ban hành kèm theo Quyết định số 4299/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/10/2015 của Giám đốc ĐHQGHN).

2. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: 10 nghiên cứu sinh

STT	Chuyên ngành	Số lượng
1.	Khoa học máy tính	10
2.	Kỹ thuật phần mềm	
3.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
4.	Hệ thống thông tin	
5.	Kỹ thuật điện tử	
6.	Kỹ thuật viễn thông	
7.	Cơ kỹ thuật	
8.	Vật liệu và linh kiện nanô	

3. HỒ SƠ DỰ THI

Bao gồm:

a) Đơn đăng kí dự tuyển;

b) Sơ yếu lí lịch cá nhân;

c) Bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ và minh chứng về chuyên môn, ngoại ngữ, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác theo quy định; Giấy chứng nhận công nhận văn bằng trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp;

d) Đề cương nghiên cứu đáp ứng các yêu cầu, nội dung tại phần 1.3, mục f của thông báo này;

đ) Thư giới thiệu của tối thiểu một nhà khoa học theo quy định tại phần 1.3, mục g của thông báo này;

e) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lí trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

4. ĐĂNG KÝ DỰ THI, THỜI GIAN THI VÀ LỆ PHÍ

4.1. Nhiệm vụ của thí sinh

- Bước 1: Thí sinh truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng kí dự thi trực tuyến theo hướng dẫn. Thí sinh đã đăng ký tài khoản trong những kỳ tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kỳ đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng ký dự tuyển trong đợt 2 năm 2021. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.

- Bước 2: Thí sinh nộp hồ sơ bản cứng trực tiếp tại Phòng 105 – Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội hoặc chuyển qua đường bưu điện (nếu hồ sơ chuyển qua đường bưu điện sẽ tính theo dấu bưu điện).

- Thời gian đăng kí: **từ 8h00 ngày 26/04/2021 đến 17h00 ngày 27/08/2021.**

4.2. Thời gian đánh giá hồ sơ chuyên môn

- Từ ngày **13/09 đến 25/09/2021**

4.3. Lệ phí

- Lệ phí: 260.000đ/ thí sinh

- Phương thức nộp tiền: thí sinh có thể chuyển lệ phí tuyển sinh theo quy định vào tài khoản của Trường Đại học Công nghệ hoặc nộp trực tiếp bằng tiền mặt tại Trường Đại học Công nghệ.

- Thông tin chuyển tiền qua tài khoản:

+ Tên Tài khoản: Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN

+ Số TK: 21510000214781 tại Ngân hàng BIDV Cầu Giấy, Hà Nội

+Nội dung chuyển khoản: Họ tên thí sinh_Ngày sinh_TS SDH đợt 2_2021

- Địa chỉ nộp tiền mặt: P.101A – Phòng Kế hoạch Tài chính – Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN – Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

5. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI, THỜI GIAN NHẬP HỌC, THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- **Thời gian công bố kết quả thi:** trước 17h00 ngày 28/09/2021.

- **Thời gian đào tạo:** 3 năm với NCS đã có bằng thạc sĩ, 4 năm với NCS đã có bằng đại học

6. HỌC BỔNG DÀNH CHO NGHIÊN CỨU SINH

Nghiên cứu sinh có cơ hội đăng ký nhiều nguồn học bổng, trong đó có các học bổng của Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Công nghệ cấp. Cụ thể:

+ Học bổng toàn phần của Đại học Quốc gia Hà Nội: cho NCS từ thạc sĩ là 60.000.000 đồng/khóa học, cho NCS từ cử nhân là 90.000.000 đồng/khóa học.

+ Học bổng toàn phần của Trường Đại học Công nghệ: cho NCS từ thạc sĩ là 60.000.000 đồng/khóa học, cho NCS từ cử nhân là 80.000.000 đồng/khóa học.

Mọi chi tiết xin liên hệ tại:

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Phòng 105-E3, 144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3754 7810; Email: daotaosdh_dhcn@vnu.edu.vn

Website: <http://uet.vnu.edu.vn> mục Tuyển sinh.

Trân trọng thông báo./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (đề b/c);
- Các cơ sở đào tạo liên quan;
- Các đơn vị trong trường;
- Website của Trường ĐHCN, thí sinh dự thi;
- Lưu: VT, ĐT, TH.50.

(đã ký)

Nguyễn Việt Hà

**Phụ lục 1 – Bảng tham chiếu chứng chỉ Ngoại ngữ sử dụng trong tuyển sinh trình độ
tiên sĩ tại ĐHQGHN**

*(Kèm theo công văn số 189 /ĐT ngày 20 tháng 05 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)*

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1.	TOEFL iBT	45-93
2.	IELTS	5.0-6.5
3.	Cambridge examination	PET (160-170) FCE (160-179) CAE (160-179)
4.	DELFS là bằng nên có giá trị vĩnh viễn TCF: là chứng chỉ cho nên chỉ có giá trị 2 năm kể từ khi thi	DELFS B2 TCF niveau 4
5.	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6.	TestDaF	TDN4
7.	DSD2	B2
8.	TELC Deutsch B2	B2
9.	ÖSD-B2 Mittelstufe Deutsch	B2
10.	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4
11.	JLPT (0-180) NAT-TEST (0-180) J-TEST (0-1000)	N2 (90) Q2 (100) 550
12.	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2
13.	TOPIK II	Bậc 4

Phụ lục 2 – Danh mục các ngành/chuyên ngành trình độ đại học/thạc sĩ được xét tuyển đối với từng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

(Kèm theo công văn số 189 /ĐT ngày 20 tháng 05 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

TT	Chuyên ngành	Danh mục các ngành/chuyên ngành phù hợp	Danh mục các ngành/chuyên ngành gần
1.	Khoa học máy tính	Các chuyên ngành trong nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin (Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Truyền thông và mạng máy tính; ...)	Cơ sở toán học cho tin học, Khoa học tính toán, Toán tin; các chuyên ngành thuộc nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
2.	Kỹ thuật Phần mềm	Các chuyên ngành trong nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin (Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Truyền thông và mạng máy tính; ...)	Cơ sở toán học cho tin học, Khoa học tính toán, Toán tin; các chuyên ngành thuộc nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
3.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Các chuyên ngành trong nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin (Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Truyền thông và mạng máy tính; ...)	Cơ sở toán học cho tin học, Khoa học tính toán, Toán tin; các chuyên ngành thuộc nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
4.	Hệ thống Thông tin	Các chuyên ngành trong nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin (Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Truyền thông và mạng máy tính; ...)	Cơ sở toán học cho tin học; toán ứng dụng; lý thuyết xác suất và thống kê toán học; thống kê; kỹ thuật mật mã; lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tin học; hệ thống thông tin quản lý
5.	Kỹ thuật điện tử	Các ngành/chuyên ngành trong nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; các ngành/chuyên ngành Kỹ thuật máy tính, Điện tử-viễn thông.	Vật lý vô tuyến và điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ hàng không vũ trụ
6.	Kỹ thuật viễn thông	Các ngành/chuyên ngành trong nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; các ngành/chuyên ngành Kỹ thuật máy tính, Điện tử-viễn thông.	Vật lý vô tuyến và điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ hàng không vũ trụ

TT	Chuyên ngành	Danh mục các ngành/chuyên ngành phù hợp	Danh mục các ngành/chuyên ngành gần
7.	Cơ kỹ thuật	Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật tàu thủy; Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Xây dựng công trình thủy, Kỹ thuật xây dựng Công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông, Kỹ thuật xây dựng Công trình đặc biệt; Cơ học vật rắn, Cơ học chất lỏng và chất khí; Cơ học; Cơ điện tử, Kỹ thuật Cơ điện tử; Toán cơ; Tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật hạ tầng (của ĐH Việt Nhật)	Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Cơ khí động lực, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật năng lượng; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật hạt nhân; Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật dầu khí; Địa kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật cấp thoát nước; Công nghệ hàng không vũ trụ; Robotic; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Kỹ thuật cấp thoát nước; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Địa kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
8.	Vật liệu và Linh kiện Nanô	Vật lý kỹ thuật; vật lý lý thuyết; vật lý chất rắn; vật lý vô tuyến điện tử; vật lý nguyên tử; quang học; vật lý địa cầu; khoa học vật liệu; hóa vô cơ; hóa hữu cơ; hóa phân tích; hóa lý thuyết và hóa lý; hóa môi trường; kỹ thuật hóa học; kỹ thuật vật liệu; kỹ thuật hạt nhân.	Cơ kỹ thuật; kỹ thuật cơ điện tử; kỹ thuật điện; kỹ thuật điện tử; kỹ thuật viễn thông; kỹ thuật y sinh; kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; kỹ thuật môi trường

**Phụ lục 3 - Danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu
kèm theo danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện
hướng dẫn nghiên cứu sinh**

(Kèm theo công văn số 189/ĐT ngày 20 tháng 05 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
Khoa Công nghệ Thông tin				
1.	GS.TS. Nguyễn Thanh Thủy	Toán Máy tính	Trí tuệ nhân tạo	nguyenthanhthuy@vnu.edu.vn
2.	PGS.TS. Phan Xuân Hiếu	Công nghệ thông tin	Khai phá dữ liệu, Thông minh kinh doanh, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	hieupx@vnu.edu.vn
3.	PGS.TS. Nguyễn Hải Châu	Toán - Tin	Hệ thống thông tin, GIS	chaunh@vnu.edu.vn
4.	PGS.TS. Nguyễn Việt Hà	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm, Trí tuệ nhân tạo	hanv@vnu.edu.vn
5.	PGS.TS. Lê Thanh Hà	Công nghệ thông tin	Xử lý ảnh và video, Video coding	ltha@vnu.edu.vn
6.	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hóa	Tin học	Hệ thống thông tin, An toàn thông tin	hoann@vnu.edu.vn
7.	PGS.TS. Trương Anh Hoàng	Tin học	Công nghệ phần mềm	hoangta@vnu.edu.vn
8.	PGS.TS. Phạm Ngọc Hùng	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm, Đảm bảo chất lượng phần mềm	hungpn@vnu.edu.vn
9.	PGS.TS. Hoàng Xuân Huân	Toán	Học máy, Tin sinh học	huanhx@vnu.edu.vn
10.	PGS.TS. Phạm Bảo Sơn	Khoa học Máy tính	Trí tuệ nhân tạo, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	sonpb@vnu.edu.vn
11.	PGS.TS. Nguyễn Hoài Sơn	Công nghệ thông tin	Overlay network, Mạng ngang hàng, Video streaming, Mạng không dây, Internet of Things	sonnh@vnu.edu.vn
12.	PGS.TS. Nguyễn Phương Thái	Tin học	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	thainp@vnu.edu.vn
13.	PGS.TS. Nguyễn Việt Anh	Khoa học máy tính	E-learning	vietanh@vnu.edu.vn
14.	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Bình	Toán Ứng dụng	Hệ thống nhúng, Công nghệ phần mềm	nnbinh@vnu.edu.vn
15.	PGS.TS. Nguyễn Thị	Công nghệ	Xử lý ảnh, Giám sát hiện	thanhtn@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
	Nhật Thanh	thông tin	trường	
16.	PGS.TS. Nguyễn Trí Thành	Hệ thống thông tin	Khai phá dữ liệu, Truy hỏi thông tin, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	thanht@vnu.edu.vn
17.	PGS.TS. Trương Ninh Thuận	Toán -Tin ứng dụng	Công nghệ phần mềm, Kiểm chứng phần mềm	thuantn@vnu.edu.vn
18.	PGS.TS. Hà Quang Thụy	Toán	Khai phá dữ liệu, Thông minh kinh doanh	thuyhq@vnu.edu.vn
19.	PGS.TS. Nguyễn Đình Việt	Vật lý/Vật lý vô tuyến	Hệ thống nhúng, Mạng và truyền thông máy tính	vietnd@vnu.edu.vn
20.	PGS.TS. Lê Sỹ Vinh	Tin học	Tin sinh học, Khai phá dữ liệu	vinhls@vnu.edu.vn
21.	TS. Ma Thị Châu	Khoa học Máy tính	Thị giác máy, Hình học đa ảnh, Phân tích ảnh độ sâu, Đồ họa máy tính	chautm@vnu.edu.vn
22.	TS. Trần Thị Minh Châu	Công nghệ thông tin	Phân tích và thiết kế hệ thống	chauttm@vnu.edu.vn
23.	TS. Đặng Thanh Hải	Khoa học máy tính	Tin sinh học	haidt@vnu.edu.vn
24.	TS. Đặng Cao Cường	Khoa học máy tính	Tin sinh học	cuongdc@vnu.edu.vn
25.	TS. Tạ Việt Cường	Công nghệ thông tin	Trí tuệ nhân tạo, Học tăng cường, Thị giác máy	cuongtv@vnu.edu.vn
26.	TS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Công nghệ thông tin	Thị giác máy, Trí tuệ nhân tạo	ngocdiệp@vnu.edu.vn
27.	TS. Ngô Thị Duyên	Khoa học máy tính	Đồ họa máy tính, Nhận dạng tiếng nói	duyennt@vnu.edu.vn
28.	TS. Lê Phê Đô	Toán/Xác suất	An toàn thông tin trong giao dịch điện tử, Các phương pháp toán trong công nghệ	dolp@vnu.edu.vn
29.	TS. Đỗ Đức Đông	Khoa học máy tính	Tối ưu hóa, Trí tuệ nhân tạo	dongdoduc@vnu.edu.vn
30.	TS. Đặng Đức Hạnh	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	hanhdd@vnu.edu.vn
31.	TS. Nguyễn Thị Hậu	Tin học ứng dụng	Hệ thống thông tin	nguyenhau@vnu.edu.vn
32.	TS. Lê Quang Hiếu	Công nghệ thông tin	Học máy, Khai phá dữ liệu web, thông tin doanh nghiệp	hieulq@vnu.edu.vn
33.	TS. Trần Trọng Hiếu	Tin học	Xử lý tri thức, Khai phá dữ liệu, Các hệ thống đa tác tử, Học máy	hieutt@vnu.edu.vn
34.	TS. Võ Đình Hiếu	Công nghệ thông tin	Kiến trúc phần mềm, Kiến trúc hướng dịch vụ, Phân tích chương trình	hieuvd@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
35.	TS. Bùi Quang Hưng	Công nghệ thông tin	Khoa học dữ liệu, Khoa học dữ liệu không gian, GIS, Hạ tầng dữ liệu không gian	hungbq@vnu.edu.vn
36.	TS. Vũ Diệu Hương	Công nghệ thông tin	Áp dụng các phương pháp hình thức trong kiểm chứng thiết kế phần mềm, Kiểm thử tự động	huongvd@vnu.edu.vn
37.	TS. Tô Văn Khánh	Công nghệ thông tin	SMT/SAT solver, Các phương pháp hình thức	khanhtv@vnu.edu.vn
38.	TS. Phạm Mạnh Linh	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính truyền thông, Điện toán đám mây, điện toán sương mù, Công nghệ nông nghiệp	linhmp@vnu.edu.vn
39.	TS. Trần Quốc Long	Công nghệ thông tin	Học máy, Xử lý ảnh, Thị giác máy	longtq@vnu.edu.vn
40.	TS. Trần Trúc Mai	Điện tử viễn thông	Truyền thông không dây, Điện toán đám mây	mai.tran@vnu.edu.vn
41.	TS. Dương Lê Minh	Công nghệ thông tin	Mạng adhoc không dây, SIP - based VoIP, Internet of Things, Mạng cảm biến, Ứng dụng di động cloud, Các hệ thống ảo hóa	minhdl@vnu.edu.vn
42.	TS. Vũ Thị Hồng Nhạn	Công nghệ thông tin	Khai phá dữ liệu không gian - thời gian, Các hệ thống cung cấp dịch vụ cung cấp thông tin dựa trên vị trí, Cơ sở dữ liệu không gian & Hệ thống thông tin địa lý	vthnhan@vnu.edu.vn
43.	TS. Lê Đình Thanh	Khoa học máy tính	An toàn thông tin, Phát triển ứng dụng Web	thanhld@vnu.edu.vn
44.	TS. Bùi Ngọc Thăng	Khoa học máy tính	Học máy, Các phương pháp biểu diễn dữ liệu, Các phương pháp học máy giải quyết các bài toán y học (Tin sinh học)	thangbn@vnu.edu.vn
45.	TS. Nguyễn Đại Thọ	Tin học	An toàn thông tin, Tính toán phân tán, Mạng máy tính	thond@vnu.edu.vn
46.	TS. Hoàng Xuân Tùng	Điện tử viễn thông	Các hệ thống nhúng, Các ứng dụng mobile và cloud, Đánh giá hiệu năng hệ thống	tunghx@vnu.edu.vn
47.	TS. Nguyễn Văn Vinh	Công nghệ	Học máy, dịch máy, Xử	vinhmv@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
		thông tin	lý ngôn ngữ tự nhiên, Xử lý và phân tích dữ liệu lớn	
48.	TS. Trần Mai Vũ	Hệ thống thông tin	Khai phá dữ liệu, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên, Dữ liệu lon	vutm@vnu.edu.vn
Khoa Điện tử - Viễn thông				
49.	GS.TS. Chủ Đức Trình	Điện tử viễn thông	Vi cơ điện tử, Y sinh	trinhcd@vnu.edu.vn
50.	PGS.TS. Trương Vũ Bằng Giang	Điện tử viễn thông	Siêu cao tần, antenna	giangtvb@vnu.edu.vn
51.	PGS.TS. Nguyễn Nam Hoàng	Điện tử viễn thông	Network, Truyền thông dùng ánh sáng	hoangnn@vnu.edu.vn
52.	PGS.TS. Nguyễn Quốc Tuấn	Kỹ thuật viễn thông	Network, truyền thông hợp tác	tuannq@vnu.edu.vn
53.	PGS.TS. Bùi Thanh Tùng	Điện tử viễn thông	Vi cơ điện tử, Y sinh	tungbt@vnu.edu.vn
54.	PGS.TS. Trần Quang Vinh	Điện tử viễn thông	Điều khiển, robotics	vinhtq@vnu.edu.vn
55.	PGS.TS. Nguyễn Linh Trung	Kỹ thuật máy tính và điện	Xử lý tín hiệu, truyền thông	linhtrung@vnu.edu.vn
56.	PGS.TS. Trịnh Anh Vũ	Vật lý vô tuyến	Truyền thông, Hệ thống VT thế hệ mới	vuta@vnu.edu.vn
57.	TS. Nguyễn Ngọc An	Điện tử viễn thông	Cảm biến, cơ cấu chất hành kiểu MEMS, kiểm tra không phá hủy	ngocan@vnu.edu.vn
58.	TS. Vũ Tuấn Anh	Điện tử viễn thông	Siêu cao tần	anhtv@vnu.edu.vn
59.	TS. Đinh Triều Dương	Điện tử viễn thông	Xử lý đa phương tiện	duongdt@vnu.edu.vn
60.	TS. Phùng Mạnh Dương	Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật điện tử	duongpm@vnu.edu.vn
61.	TS. Lê Vũ Hà	Tin học	Xử lý đa phương tiện	halv@vnu.edu.vn
62.	TS. Lưu Mạnh Hà	Điện tử viễn thông	Xử lý ảnh y sinh, Xử lý tín hiệu y sinh	halm@vnu.edu.vn
63.	TS. Nguyễn Kiêm Hùng	Điện tử viễn thông	Thiết kế vi mạch, Thiết kế hệ thống nhúng, Tính toán có khả năng tái cấu hình	kiemhung@vnu.edu.vn
64.	TS. Hoàng Gia Hưng	Điện tử viễn thông	Xử lý tín hiệu ngẫu nhiên, Lý thuyết thông tin ứng dụng trong điều khiển	hunghg@vnu.edu.vn
65.	TS. Bùi Trung Ninh	Kỹ thuật viễn thông	Truyền thông quang, IoT, Truyền thông trong mạng	ninhbt@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
			5G	
66.	TS. Đinh Thị Thái Mai	Kỹ thuật viễn thông	Truyền thông vô tuyến, Mạng di động, IoT, Vô tuyến nhận thức	maidtt@vnu.edu.vn
67.	TS. Trần Thị Thúy Quỳnh	Kỹ thuật viễn thông	Nghiên cứu và thiết kế anten và các phần tử siêu cao tần, Các thuật toán xử lý mảng	quynhttt@vnu.edu.vn
68.	TS. Trần Cao Quyền	Kỹ thuật viễn thông	Truyền tin dưới nước, Thiết kế anten thế hệ mới	quyentc@vnu.edu.vn
69.	TS. Nguyễn Thị Hồng Thịnh	Các hệ thống thông tin và truyền thông	Xử lý tín hiệu, Xử lý ảnh, Học máy	hongthinh.nguyen@vnu.edu.vn
70.	TS. Phạm Minh Triễn	Điện tử viễn thông	Điều khiển, robotics	trienpm@vnu.edu.vn
71.	TS. Hoàng Văn Xiêm	Kỹ thuật điện và máy tính	Công nghệ thông tin truyền thông	xiemhoang@vnu.edu.vn
Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa				
72.	GS.TSKH. Nguyễn Đông Anh	Cơ học kỹ thuật & Tự động hóa	Dao động, Điều khiển dao động	ndanh@imech.vast.vn
73.	GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức	Cơ học vật liệu	Vật liệu composite	ducnd@vnu.edu.vn
74.	GS.TSKH. Nguyễn Tiến Khiêm	Cơ học kỹ thuật & Tự động hóa	Dao động, Chẩn đoán kỹ thuật công trình	ntkhiem@imech.vast.vn
75.	PGS.TS. Phạm Mạnh Thắng	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa - Cơ điện tử	thangpm@vnu.edu.vn
76.	PGS.TS. Đặng Thế Ba	Toán - Cơ	Toán - Cơ, Thủy khí công nghiệp và môi trường	badt@vnu.edu.vn
77.	PGS.TSKH. Dương Ngọc Hải	Cơ học kỹ thuật & Tự động hóa	Thủy khí, Động lực học chất lỏng chất khí	dnhai@imech.vast.vn
78.	PGS.TS. Nguyễn Việt Khoa	Dao động	Tính toán kết cấu, Động lực học và giám sát kết cấu	nvkhoa@imech.vast.vn
79.	PGS.TS. Nguyễn Thị Việt Liên	Cơ học chất lỏng	Động lực học chất lỏng, chất khí	ntvlien@imech.vast.vn
80.	PGS.TS. Đào Như Mai	Cơ học vật thể rắn	Tính toán kết cấu, Động lực học kết cấu dưới tác dụng của sóng, gió	dnmai@imech.vast.vn
81.	PGS.TS. Đinh Văn Mạnh	Cơ học chất lỏng	Động lực học chất lỏng, chất khí	dvmanh@imech.vast.vn
82.	TS. Vũ Thị Thùy Anh	Cơ kỹ thuật	Nghiên cứu về sự lan truyền vết nứt trong kết cấu, Nghiên cứu ổn định	anhvutt@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
			tính và động các kết cấu làm bằng vật liệu tiên tiến.	
83.	TS. Nguyễn Ngọc Linh	Kỹ thuật điện và tự động	Điều khiển tự động và nâng cao, Điều khiển thông minh	nlnghuyen@vnu.edu.vn
84.	TS. Bùi Hồng Sơn	Cơ học kỹ thuật và cơ khí	Vật liệu và cơ học kỹ thuật	sonbh@vnu.edu.vn
85.	TS. Nguyễn Hoàng Quân	Cơ khí và năng lượng	Nghiên cứu về truyền nhiệt và truyền khối cho dòng 2 pha, Nghiên cứu về đặc tính nhiệt của vật liệu tại nhiệt độ cao	nhquan@vnu.edu.vn
86.	TS. Trần Thanh Tùng	Cơ học kỹ thuật	Cơ học tính toán, Gia công cắt gọt	tranthanh tung@vnu.edu.vn
Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano				
87.	GS.TS. Nguyễn Hữu Đức	Vật lý	Vật liệu và linh kiện từ tính cấu trúc nano, Điện tử học spin, vật liệu tổ hợp sắt từ/sắt điện (multiferroics),MERAM, cảm biến sinh học,...	ducnh@vnu.edu.vn
88.	GS.TS. Hoàng Nam Nhật	Khoa học vật liệu	Vật liệu thấp chiều thế hệ mới và ứng dụng trong công nghệ hiện đại, Vật lý tính toán các hệ đám nano từ tính, Gốm trên nền hợp kim pha tạp siêu loãng bằng bắn phá ion năng lượng cao	nhatnh@vnu.edu.vn
89.	PGS.TS. Nguyễn Kiên Cường	Vật liệu và Xử lý Bề Mặt	Vật liệu quang tử	cuongnk@vnu.edu.vn
90.	PGS.TS. Đỗ Thị Hương Giang	Khoa học vật liệu	Vật liệu từ giao - áp điện cấu trúc nano, cảm biến đo từ trường	giangdth@vnu.edu.vn
91.	PGS.TS. Nguyễn Phương Hoài Nam	Hoá hữu cơ	Vật liệu và linh kiện quang-điện trên cơ sở polymer dẫn, Vật liệu nanocomposite	namnph@vnu.edu.vn
92.	PGS.TS. Phạm Đức Thắng	Vật lý	Vật liệu từ tính, oxide sắt điện, tổ hợp cấu trúc micro-nano, các ứng dụng về sử dụng hiệu quả, tái tạo năng lượng, xử lý môi trường	pdthang@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
93.	TS. Nguyễn Đức Cường	Vật lý ứng dụng trong các hệ thống năng lượng	Pin mặt trời, Các thiết bị quang tử	cuongnd@vnu.edu.vn
94.	TS. Lê Thị Hiên	Hóa sinh hữu cơ	Công nghệ nano sinh học ứng dụng trong nông nghiệp, môi trường và y dược	hienlt@vnu.edu.vn
95.	TS. Nguyễn Thị Minh Hồng	Vật liệu và linh kiện nano	Vật liệu và linh kiện nano	hongntm@vnu.edu.vn
96.	TS. Trần Đăng Khoa	Sinh học phân tử	Công nghệ nano sinh học ứng dụng trong y sinh Công nghệ sinh học ứng dụng trong nông nghiệp	khoatd@vnu.edu.vn
97.	TS. Nguyễn Đình Lãm	Vật liệu và linh kiện từ tính nano	Vật liệu năng lượng	lamnd2005@vnu.edu.vn
98.	TS. Nguyễn Thị Yến Mai	Công nghệ quang tử	Quang điện tử	mainty@vnu.edu.vn
99.	TS. Hà Thị Quyến	Vi sinh vật	Công nghệ sinh học trong nông nghiệp, y dược và môi trường	quyenht@vnu.edu.vn
100.	TS. Bùi Đình Tú	Vật liệu và linh kiện nano	Vật liệu và linh kiện nano	tubd@vnu.edu.vn